

**TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý, GIẢI TRÌNH TIẾP THU VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC ĐƠN VỊ,
BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP, Ý KIẾN THAM GIA CỦA THÀNH VIÊN UBND TỈNH**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		Các ý kiến góp ý kiến theo đề nghị của Ban Dân tộc	Nội dung tiếp thu/ giải trình
A	Các ý kiến tham gia góp ý lần 1 của Lãnh đạo ban, các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc (Công văn số: 121/BDT-CSĐT ngày 14/2/2022 của Ban Dân tộc)	Cơ quan Ban Dân tộc đã dự thảo lần 1 Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, xin ý kiến góp ý nội bộ trong tập thể lãnh đạo ban, thành viên tổ soạn thảo, các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc.	Ban Dân tộc tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo lần 2
B	Các ý kiến tham gia góp ý lần 2 của các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố (Công văn số 198/BDT-CSĐT ngày 11/3/2022 và Công văn số 203/BDT-CSĐT ngày 11/3/2022 của Ban Dân tộc tỉnh).	Có 25 sở, ngành; UBND các huyện, thành phố tham gia ý kiến; trong đó có 15 sở, ngành; UBND các huyện, thành phố thống nhất với nội dung Dự thảo; có 10 đơn vị cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và có một số ý kiến tham gia thêm.	Ban Dân tộc tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo lần 3
I	CÁC Ý KIẾN THỐNG NHẤT		
8 Sở, ngành + 07	- 8 Sở, ban ngành: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch (Văn bản	<u>Ý kiến tham gia:</u> Thống nhất	

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
<p>huyện, thành phố</p>	<p>số 318/SVHTTDL-QLVH& GD, ngày 14/3/2022)</p> <p>Sở Y tế (Văn bản số 1300/SYT-KHTC ngày 17/3/2022)</p> <p>UBMTTQ Việt Nam tỉnh Kon Tum (Công văn số 1679/MTTQ-BTT ngày 29/3/2022)</p> <p>Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 551/SGD ĐT-KHTC ngày 29/3/2022)</p> <p>Ban Dân vận Tỉnh ủy (Công văn số 537/CV-BDVTU ngày 28/3/2022)</p> <p>Công an tỉnh Kon Tum (Công văn số 812/CAT-PV05 ngày 24/3/2022)</p> <p>Sở Thông tin và truyền thông (Công văn số 509/STTTT-HCTH ngày 30/3/2022)</p> <p>Sở Lao động Thương binh và Xã hội (Công văn số 557/SLĐTBXH-LĐVC&GDNN ngày 30/3/2022)</p>		

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
	<p>- UBND 7 huyện, thành phố: UBND huyện Tu Mơ Rông (Công văn số 785/UBND-DT, ngày 01/4/2022) UBND huyện IaH'Drai (Văn bản số 394/UBND-TH, ngày 17/3/2022) UBND huyện KonPlong (Văn bản số 536/UBND-DT, ngày 18/3/2022) UBND huyện Ngọc Hồi (Văn bản số 800/UBND-DT, ngày 28/3/2022) UBND huyện Đăk Hà (Văn bản số 679/UBND-TH, ngày 23/3/2022) UBND Thành phố Kon Tum (Văn bản số 1157/UBND-VX ngày 29/3/2022) Phòng Dân tộc huyện Kon Rẫy (Công văn số 50/PDT ngày 6/4/2022)</p>		
II	<p>CÁC ĐƠN VỊ CÓ Ý KIẾN THAM GIA</p>		

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
1	Liên Minh hợp tác xã tỉnh (Các văn bản số 36/LMHTX-NV ngày 16/3/2022; 46/LMHTX-NV, ngày 1/4/2022)	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>1. Tại nội dung: Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư, Liên minh HTX tỉnh thống nhất về tỷ lệ phân bổ vốn để thực hiện nội dung tuyên truyền về kinh tế tập thể, tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn thành lập HTX, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.</p> <p>2. Tại tiểu dự án số 2: hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn, Liên minh HTX tỉnh thống nhất về tỷ lệ phân bổ vốn để thực hiện nội dung thông tin kinh doanh trực tuyến, kết nối cung - cầu, quảng bá sản phẩm của các HTX</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Liên minh hợp tác xã tỉnh; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào phụ lục 3 và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương.</p>
2	Hội Nông dân tỉnh (Công văn số 951-CV/HNDT ngày 1/4/2022)	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>Về phân kinh phí dự kiến cấp cho Hội Nông dân tỉnh tại Dự án 3 (cụ thể Tiểu dự án 2, nội dung số 03: thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS & MN) không quá 2% và Dự án 10 của Dự thảo (cụ thể Tiểu dự án 3, nội dung: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình) không quá 1%. Hội Nông dân tỉnh thống nhất tỷ lệ, nội dung dự kiến phân bổ và đã dự trù kinh phí các nội dung dự kiến chi.</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Hội Nông dân tỉnh; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào các tiểu dự án thuộc phụ lục 3 , tiểu dự án thuộc phụ lục 10 và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương.</p>
3	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Công văn số 796/SNN-KH ngày 30/3/2022)	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>Sau khi nghiên cứu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị chỉnh sửa, bổ sung tiểu dự án 1 và khoản a, tiểu dự án 2, phụ lục III, kèm theo dự thảo Nghị quyết.</p> <p>2. Thuyết minh cơ sở phân bổ vốn như sau:</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào phụ lục 3 và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>2.1 Đối với tiểu dự án: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: quy mô: 146.518 ha/năm, trong đó: các ban quản lý trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (BQL rừng phòng hộ Đăk Glei, BQL rừng phòng hộ Thạch Nham; BQL khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh): 20.154 ha; BQL vườn quốc gia Chư Mom Ray: 13.000 ha; các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: 113.364 ha. + Nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình, với quy mô: 23.273 ha/năm, trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ: 6.057,5 ha; các địa phương: 17.216 ha. + Nội dung hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, quy mô: 391 ha/năm (do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ). + Nội dung hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ, quy mô: 13.336 ha (do các địa phương thực hiện hỗ trợ). + Nội dung hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, quy mô: 115 ha (do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện hỗ trợ). + Nội dung hỗ trợ gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ, quy mô: 914 tấn (do các địa phương thực hiện hỗ trợ). <p>2.2. Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc tiểu dự án 2:</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>- Nội dung hỗ trợ thực hiện dự án “<i>Xây dựng Trung tâm nhân giống dược liệu tỉnh Kon Tum</i>” tại huyện Tu Mơ Rông: Do Trung tâm nhân giống dược liệu tỉnh Kon Tum là trung tâm trực thuộc UBND tỉnh nên đề xuất Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện (vốn đầu tư).</p> <p>- Nội dung hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại huyện Tu Mơ Rông (vốn sự nghiệp): Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: 7% tổng số vốn sự nghiệp để thực hiện mô hình khuyến nông (5%) và quản lý dự án (2%); Sở Y tế: 3% tổng số vốn sự nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức cá nhân về quy trình trồng và thu hái cây thuốc theo khuyến cáo của tổ chức Y tế thế giới; 90% tổng số vốn sự nghiệp phân bổ về UBND huyện Tu Mơ Rông để hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý.</p>	
4	<p>Sở Công Thương (Công văn số 788/SCT-QLTM ngày 1/4/2022)</p>	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2. Đối với đề xuất tỷ lệ phân bổ vốn thuộc các dự án 4, tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:</p> <p>Căn cứ Khoản 2, Điều 15, Nghị định 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ: “<i>Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm ban hành Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban quản lý chợ đối với các chợ loại 2, loại 3 (do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng) đang hoạt động do Ban quản lý chợ điều hành</i>”.</p> <p>Do đó, vốn đầu tư xây dựng chợ hạng 2, hạng 3</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Công Thương; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào phụ lục 4 và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>nên được giao cho Ủy ban nhân dân các huyện nhằm đảm bảo thống nhất trong hoạt động đầu tư xây dựng và quản lý hoạt động của các chợ về sau.</p>	
5	<p>Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (Công văn số 131/BTV-BTGGĐXHKT, ngày 29/3/2022)</p>	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>3. Đối với đề xuất tỷ lệ phân bổ vốn thuộc Dự án 8 và đề xuất nội dung, dự toán kinh phí để xây dựng Đề án: Đối với việc phân bổ vốn Hội LHPN tỉnh căn cứ vào nội dung dự án và tính chất hoạt động theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam, nhiệm vụ của của từng cấp Hội để phân bổ vốn đảm bảo các hoạt động triển khai đồng bộ, phát huy tính chủ động của các huyện, thành phố. Đó đó, Hội LHPN tỉnh đã đề xuất phân bổ vốn: Hội LHPN tỉnh: 60 % tổng số vốn của Dự án; Phân bổ vốn cho các địa phương: 40% tổng số vốn của Dự án.</p> <p>4. Đối với nội dung thực hiện Dự án 8: Hội LHPN tỉnh căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam để xây dựng nội dung triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, theo đề nghị của Ban Dân tộc tại phụ lục II, Hội LHPN tỉnh giao Ban chuyên môn phối hợp với phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc tỉnh đã điều chỉnh nội dung, dự toán kinh phí thực hiện Dự án 8 theo đúng các nội dung trong Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào phụ lục 8 và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương.</p>
6	<p>UBND huyện Sa Thầy (Công văn số 556/UBND-TH, ngày 17/3/2022)</p>	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>1. Tại Khoản 1, Phụ lục II: Phân bổ vốn đầu tư thực hiện Dự án 2 của dự thảo có nội dung: a) Phân bổ vốn cho sở, ngành: Ban Dân tộc 100% tổng số vốn đầu tư của Dự án.</p>	<p><u>Tiếp thu/ giải trình:</u></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của UBND huyện Sa Thầy; nội dung tham gia góp ý sẽ bổ sung vào các phụ lục và giải trình tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung thực hiện của các sở, ngành và các địa phương. Tuy nhiên quá trình điều chỉnh tỷ lệ phân bổ giữa các</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>b) Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:...</p> <p>2. Tại Khoản 1, 2, Phụ lục VII: Phân bổ vốn đầu tư, vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 7 của dự thảo đều có nội dung:</p> <p>a) Phân bổ vốn cho sở, ngành: Sở Y tế 100% tổng số vốn đầu tư, vốn sự nghiệp của Dự án.</p> <p>b) Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:...</p> <p>3. Tại Khoản 2, Phụ lục X: Phân bổ vốn đầu tư thực hiện Dự án 10 của dự thảo có nội dung:</p> <p>a) Phân bổ vốn cho các sở, ngành: 100% tổng số vốn đầu tư của tiểu Dự án. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban Dân tộc: 10% tổng số vốn của tiểu dự án. - Sở Thông tin và truyền thông: 80% tổng số vốn của tiểu dự án. - Liên Minh Hợp tác xã tỉnh: 10% tổng số vốn của tiểu dự án. <p>b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:.....</p> <p>Như vậy, theo dự kiến cơ quan soạn thảo tham mưu phân bổ 100% nguồn vốn của 03 dự án, tiểu dự án trên cho các cơ quan cấp tỉnh (<i>Ban Dân tộc, Sở Y tế, Sở Thông tin - Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã tỉnh</i>), thì nguồn vốn phân bổ cho các địa phương sẽ là 0% (<i>tức là không phân bổ cho các địa phương</i>).</p> <p>Vậy, đề nghị Ban Dân tộc tham mưu điều chỉnh cụm từ ở Điểm b (Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau...) tại 03 nội dung nêu trên cho phù hợp với từng dự án, tiểu dự án.</p> <p>sở, ngành và địa phương có thể có sự thay đổi nên việc điều chỉnh lại câu, từ trong các phụ lục sẽ có sự thay đổi theo dự kiến tỷ lệ phân bổ.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
7	Sở Tư pháp (Công văn số 213/STP-XDKTr & TDTHPL ngày 16/02/2022)	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2.1. Tại phần nơi nhận đề nghị biên tập lại tên cơ quan, đơn vị như sau: "<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật)</i>" cho phù hợp, đúng quy định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Tư pháp và đã chỉnh sửa trong dự thảo văn bản.</p>
		<p><u>Ý kiến tham gia:</u> 2.2. Tại Điều 6 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg chỉ giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại việc dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p>	<p><u>Tiếp thu/giải trình:</u></p> <p>Nội dung này Ban Dân tộc báo cáo giải trình như sau: Tại tiết b, khoản 1, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định "<i>Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>". Tại tiết b, khoản 2, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định "... <i>Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% đến dưới 70%: Hằng năm ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương</i>". Tại tiết a khoản 5, Điều 7 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định "<i>Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định</i>". Ngoài ra tại các văn bản tham gia ý kiến của Sở Tài chính (<i>Văn bản số 670/STC-QLNS ngày 23 tháng 02 năm 2022</i>) cụ thể: Trên cơ sở định hướng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trên; Sở Tài</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>chính tham gia góp ý nội dung tại Điều 6 như sau:</p> <p>(i) Thống nhất hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</p> <p>(ii) Cơ chế ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng như sau: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp tỉnh thực hiện. Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp huyện, thành phố thực hiện.</p> <p>Theo đó, dự thảo tại Điều 6 Sở Tài chính tham gia như sau:</p> <p><i>“1. Quy định chung</i></p> <p><i>a) Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</i></p> <p><i>b) Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, xã đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho từng dự án, tiểu dự án theo quy định tại điểm a nêu trên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; và thực hiện phân bổ vốn đối ứng theo đúng nguyên tắc, tiêu chí tại Quy định này.</i></p> <p><i>2. Quy định cụ thể.</i></p> <p><i>- Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao các đơn vị -cấp tỉnh thực hiện.</i></p> <p><i>- Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện.”</i></p> <p>Nội dung này được Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất tại Công văn số 799/SKHĐT-VX ngày 29/3/2022, <i>cu thể: Ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện (nhằm đảm bảo khả năng ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với 10 huyện, thành phố theo quy định về tỷ</i></p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
			<p><i>lệ đối ứng của Trung ương).</i></p> <p>Do vậy, việc dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với các quy định trên và ý kiến tham gia của các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.</p>
	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2.3. Sở Tư pháp nhận thấy, cơ quan soạn thảo nên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định trực tiếp theo Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, không ban hành Quy định kèm theo Nghị quyết.</p>		<p><u>Tiếp thu/ giải tình:</u></p> <p>Hiện nay Ban Dân tộc đang dự thảo Nghị quyết kèm theo quy định theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Các phụ lục kèm gồm: Nội dung tiểu dự án, dự án; nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn sự nghiệp; áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí và tùy từng nội dung tiểu dự án, dự án có phần chú thích, giải thích kèm theo. Do vậy cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy nếu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định trực tiếp theo Mẫu số 16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ là không phù hợp.</p>
	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2.5. Đối với tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan; đặc điểm tình hình thực tế của địa phương chủ trì, phối hợp với các</p>		<p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Tư pháp</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>ơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (<i>Sở Tư pháp không tham gia ý kiến đối với tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể</i>).</p>	
		<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2.6. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản: Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chưa trình bày đúng với hướng dẫn tại Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</i>) và Mẫu số 17 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để soạn thảo, trình bày văn bản theo đúng quy định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Tư pháp và đã chỉnh sửa trong dự thảo văn bản.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>2.7. Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với cơ quan có liên quan đăng tải toàn văn dự thảo và các tài liệu khác có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp tục lấy ý kiến đối với dự thảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>Lưu ý: việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh không thực hiện nếu văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước</i>). Trên cơ sở các ý kiến tham gia, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu, thực hiện việc giải trình đối với các ý kiến không được tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và gửi lại Sở Tư pháp để lấy ý kiến thẩm định theo đúng quy định.</p>	<p><u>Tiếp thu/giải trình:</u></p> <p>Căn cứ Điều 120, Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; ngày 11/3/2022, Ban Dân tộc có Văn bản số 198/BDT-CSDT về việc đăng tải và lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Kon Tum. Nội dung đăng tải gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. - Dự thảo lần 2 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Phụ lục số 01, Phụ lục số 02. - Các văn bản có liên quan. <p>Thời gian đăng tải để lấy ý kiến góp ý là 30 ngày kể từ ngày đăng tải (<i>Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 11/4/2022</i>).</p>
8	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>Công văn số 799/SKHĐT-VX ngày 29/3/2022</i>)</p>	<p><u>Ý kiến tham gia:</u></p> <p>1. Về nội dung giải trình, tiếp thu đối với dự thảo Nghị quyết lần 1: Thống nhất với nội dung giải trình, tiếp thu tại Phụ lục 1 kèm theo Văn bản số 203/BDT-CSDT ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ban Dân tộc.</p> <p>2. Đối với quy định mức đối ứng ngân sách huyện so với ngân sách Trung ương bố trí thực hiện Chương trình (<i>tại Điều 6 của dự thảo Nghị quyết</i>): Thống nhất theo như ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 670/STC-QLNS ngày 23 tháng 02 năm 2022, cụ thể: Ngân sách cấp huyện bố trí đối</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư và đã điều chỉnh trong dự thảo văn bản.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>ứng bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiêu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện (nhằm đảm bảo khả năng ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với 10 huyện, thành phố theo quy định về tỷ lệ đối ứng của Trung ương).</p>	
9	<p>Sở Tài chính (Công văn số 1228/STC-QLNS, ngày 4 tháng 4 năm 2022)</p>	<p><u>Ý kiến tham gia:</u> Tham gia bổ sung phần căn cứ dự thảo Nghị quyết: Biên tập bổ sung căn cứ vào dự thảo Nghị quyết: Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Tài chính và đã điều chỉnh trong dự thảo văn bản.</p>
		<p><u>Ý kiến tham gia:</u> “Điều 7. Tổ chức thực hiện a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này; b) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. c) Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh, bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh</p>	<p><u>Tiếp thu/giải trình:</u> Tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của Sở Tài chính và đã điều chỉnh trong dự thảo văn bản, cụ thể như sau: Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh, bổ sung nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		Kon Tum, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.	
10	Sở Nội vụ Công văn số 887/SNV-CCVC, ngày 12 tháng 4 năm 2022)	<p>Ý kiến tham gia: Đối với đề xuất tỷ lệ phân bổ vốn thuộc các dự án, tiểu dự án và đề xuất nội dung, dự toán kinh phí để xây dựng Đề án (Tiểu dự án 02: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học và sau đại học)</p> <p>- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Sở Nội vụ thống nhất với tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung, phương án đề xuất phân bổ vốn của Ban Dân tộc (trong đó giai đoạn 2021-2025: Sở Nội vụ: 20% tổng kinh phí bố trí nội dung 1 để thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã trên địa bàn vùng đồng bào DTTS & MN</p>	<p>Tiếp thu/giải trình: Đề xuất của Ban Dân tộc : Qua rà soát mục tiêu của Báo cáo khả thi, đề xuất giảm tỷ lệ phân bổ cho Ban Dân tộc từ 35% xuống còn 34%; tăng tỷ lệ phân bổ cho Sở Nội vụ từ 20% lên 21%; các sở, ngành khác giữ nguyên tỷ lệ. Lý do: Để đảm bảo kinh phí thực hiện đủ cho từng nội dung của từng sở, ngành nên có sự điều chỉnh tăng/giảm giữa các sở, ngành liên quan trong một nội dung của tiểu dự án Cụ thể:</p> <p>1. Về tỷ lệ Phân bổ vốn sự nghiệp Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: 100% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án. Trong đó: - Ban Dân tộc: 34% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. - Sở Giáo dục và Đào tạo: 15 % tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: 15% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. - Công an tỉnh: 15% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. - Sở Nội vụ: 21% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.</p> <p>2. Các nội dung thực hiện - Phân bổ Ban Dân tộc: 34% tổng số vốn của nội dung số 01 của tiểu dự án để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 2, đối tượng 3 và đối tượng 4 ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, thôn. - Phân bổ Sở Giáo dục và Đào tạo: 15% tổng số vốn của nội dung số 01 của tiểu dự án để bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3 là Hiệu trưởng, hiệu phó trường THPT, THCS, tiểu học và Hiệu trưởng, hiệu phó các trường bán trú, nội trú ở địa bàn các huyện, thành phố vùng DTTS & MN.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
			<ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: 15% tổng số vốn của nội dung số 01 của tiểu dự án để bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3,4 là lực lượng quân đội tại các huyện, thành phố vùng DTTS & MN. - Phân bổ Công an: 15% tổng số vốn của nội dung số 01 của tiểu dự án để bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3,4 là lực lượng công an tại các huyện, thành phố vùng DTTS & MN. - Phân bổ Sở Nội vụ: 21% tổng số vốn của nội dung số 01 của tiểu dự án để thực hiện nội dung bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã trên địa bàn vùng đồng bào DTTS & MN.
		<p>Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học và sau đại học: Sở Nội vụ thống nhất với tỷ lệ phân bổ vốn, nội dung, phương án đề xuất phân bổ vốn của Ban Dân tộc: Sở Nội vụ: 12% tổng số vốn của tiểu dự án tương đương 1.700 triệu đồng (Dự kiến kinh phí cấp giai đoạn 2021-2025 là 14.130 triệu đồng) để thực hiện các nội dung đào tạo sau đại học cho 12 người, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiến sỹ là 04 người, định mức 175 triệu đồng/01 học viên (700 triệu đồng); + Thạc sỹ là 08 người, định mức 125 triệu đồng/01 học viên (1.000 triệu đồng). <p>(định mức trên có thể thay đổi theo thông báo của cơ sở đào tạo theo từng năm học).</p>	<p>Đề xuất của Ban Dân tộc: Qua rà soát mục tiêu của Báo cáo khả thi, đề xuất giảm tỷ lệ phân bổ cho Sở Nội vụ từ 12% lên 10%; tăng tỷ lệ phân bổ cho các địa phương từ 88% lên 90%. Cụ thể:</p> <p>1. Về tỷ lệ Phân bổ vốn sự nghiệp</p> <p>a) Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: 10% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.</p> <p>b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí.</p> <p>2. Các nội dung thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ Sở Nội vụ: 10% tổng số vốn của nội dung số 02 của tiểu dự án để thực hiện các nội dung: đào tạo sau đại học cho 12 người: trong đó: tiến sỹ là 3 người, định mức 175 triệu/1 học viên (525 triệu đồng); thạc sỹ là 9 người, định mức 125 triệu đồng/1 học viên (1.125 triệu đồng). - Phân bổ cho các địa phương: 90% (Tăng so với dự kiến 2%) tổng số vốn của tiểu dự án để thực hiện các nội dung: Đào tạo đại học cho 138 sinh viên, định mức là 110 triệu/1 sinh viên (15.180 triệu đồng). <p>(Số liệu đào tạo 138 sinh viên, 12 học viên gồm: 3c tiến sỹ, 9</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
			thạc sỹ). Về định mức áp dụng cho 1 sinh viên và 1 học viên sau đại học được áp dụng theo định mức quy định tại Dự án 5, Tờ trình số 1409/TTr-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban Dân tộc báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình.
C	Các ý kiến tham gia góp ý lần 3: BÁO CÁO THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP	<p>2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</p> <p>Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, loại bỏ quy định: “là căn cứ để lập kế hoạch trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước” tại Điều 1 dự thảo Quy định. Lý do: Quy định nêu trên không phải là phạm vi điều chỉnh của dự thảo¹. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định đề nghị biên tập lại như sau cho chính xác, đầy đủ: “Các sở, ban, ngành... để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.</p>	<p>Ban Dân tộc tiếp thu, bổ sung. Đồng thời rà soát, biên tập lại Điều 1, Chương I dự thảo quy định như sau: “<i>Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Chương trình)</i>”</p> <p>Rà soát, biên tập lại tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định “<i>Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; các đơn vị khác sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành và địa phương)</i>”.</p>
	Báo cáo số 137/BC-STP, ngày 10/5/2022 về thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (Dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức	Do Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ không được ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật nên đề nghị biên tập lại căn cứ pháp lý thứ 8 như sau: “ <i>Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc</i>	Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh.

¹ Nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo nêu tại Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
	<p>phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum)</p>	<p>thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025”.</p>	
		<p>Đối với dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo</p> <p>Đề nghị xem xét lại phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 và biên tập lại khoản 1 Điều 2 với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.</p>	<p>Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh.</p>
		<p>Tiêu đề của Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết là "<u>Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương</u>", cơ quan thẩm định nhận thấy giữa tiêu đề của Điều 5 và các nội dung trong điều chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị biên tập lại tiêu đề của Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết như sau: "<u>Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương</u>".</p>	<p><u>Tiếp thu/giải trình:</u></p> <p>Tại điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định tên tiêu đề "<u>Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương</u>". Theo đó toàn bộ nội dung và công thức tính toán, xác định phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương (Vốn đầu tư và</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>vốn sự nghiệp) cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình quy định chi tiết tại 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được quy định tại điều 6 Dự thảo quy định ban hành kèm theo Nghị quyết các nội dung được lấy trong điều 5, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy tiêu đề của Điều 5 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết là "<i>Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương</i>" là phù hợp.</p>
	<p>Tại Điều 6 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg chỉ giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại việc dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p>	<p>Tiếp thu/giải trình: Tại tiết b, khoản 1, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 20221 của Thủ tướng Chính phủ quy định "<i>Các địa phương bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>". Tại tiết b, khoản 2, Điều 6 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 20221 của Thủ tướng Chính phủ quy định "... Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% đến dưới 70%: Hằng năm ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương". Tại tiết a khoản 5, Điều 7 Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 20221 của Thủ tướng Chính phủ quy định "<i>Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định</i>". Tại khoản 1, điều 36 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định “<i>Trách nhiệm của Chủ Chương trình. 1. Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo từng hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia</i>”; tại tiết a, khoản 1, điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định “<i>Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương</i>”.</p> <p>Ngoài ra tại các Văn bản của Sở Tài chính (<i>Văn bản số 670/STC-QLNS ngày 23 tháng 02 năm 2022</i>) tham gia ý kiến như sau “<i>Trên cơ sở định hướng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trên; Sở Tài chính tham gia góp ý nội dung tại Điều 6 như sau:</i></p> <p><i>(i) Thống nhất hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</i></p> <p><i>(ii) Cơ chế ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng như sau: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp tỉnh thực hiện. Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án, tiểu dự án do cấp huyện, thành phố thực hiện”.</i></p> <p>Theo đó, tại Điều 6 dự thảo Quy định, Sở Tài chính tham gia như sau:</p> <p><i>“1. Quy định chung</i></p> <p><i>a) Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</i></p> <p><i>b) Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, xã đảm bảo bố trí đủ vốn</i></p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>đổi ứng cho từng dự án, tiêu dự án theo quy định tại điểm a nêu trên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; và thực hiện phân bổ vốn đổi ứng theo đúng nguyên tắc, tiêu chí tại Quy định này.</p> <p>2. Quy định cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách tỉnh bố trí vốn đổi ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiêu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao các đơn vị cấp tỉnh thực hiện. - Ngân sách cấp huyện bố trí vốn đổi ứng bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiêu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện.” <p>Nội dung này được Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất tại Công văn số 799/SKHĐT-VX ngày 29/3/2022, cụ thể: “Ngân sách cấp huyện bố trí đổi ứng bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiêu dự án được cấp thẩm quyền phân bổ, giao cấp huyện, thành phố thực hiện (nhằm đảm bảo khả năng ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với 10 huyện, thành phố theo quy định về tỷ lệ đổi ứng của Trung ương”.</p> <p>Do vậy, Tại Điều 6 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ vốn đổi ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với các quy định trên và ý kiến tham gia của các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.</p>
	<p>Đối với tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và các văn bản pháp luật có liên quan; đặc điểm tình hình thực tế của địa phương chủ trì, phối hợp với các</p>	<p>Ban Dân tộc tiếp thu và sẽ lưu ý trong quá trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (<i>Sở Tư pháp không thẩm định đối với các tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cụ thể</i>).</p>	
		<p>4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</i>) và Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng chữ cái tiếng Việt (a, b) để đánh thứ tự các khoản trong điểm</p>	<p>Ban Dân tộc đã tiếp thu, điều chỉnh.</p>
		<p>6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1</i></p>	<p>Ban Dân tộc tiếp thu ý kiến tham gia</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p><i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020).</i></p> <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (<i>trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định</i>). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020</i>).</p>	
D	<p>Các ý kiến tham gia góp ý lần 4: Ý kiến thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thường kỳ tháng 5-2022 (Tổ chức ngày 3/6/2022)</p>		Ban Dân tộc tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo
I	<p>Tại phiên họp đồng chí Trưởng Ban Dân tộc- Thành viên uỷ ban thông qua báo cáo tóm tắt Dự thảo; 100% thành viên UBND tỉnh thống nhất với dự thảo tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh và các đề</p>		

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
	xuất, kiến nghị về những nội dung ý kiến còn khác nhau cần phải xin ý kiến tại phiên họp.		
II	Tổng hợp những nội dung còn ý kiến khác nhau xin ý kiến tại phiên họp thường kỳ tháng 5-2022 và đã được thống nhất thông qua	.	
1	Sở NN & PTNT (Văn bản số 1445/SNN-KHTC ngày 31 tháng 5 năm 2022)	<p><u>Ý kiến, đề xuất:</u> Tại Phụ lục 3, Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (Dự án 3): Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ Phân bổ vốn sự nghiệp: a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh): 54,98% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. <u>Thành:</u> a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh): 26,42% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. Lý do đề xuất: Tại Văn bản số 796/SNN-KH, ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum: Vốn sự nghiệp: Phân bổ các sở, ngành 54,98%; còn lại phân bổ cho các địa phương.</p>	<p><u>Tiếp thu, giải trình:</u> Tại Kế hoạch số 4427/KH-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về triển khai Quyết định 1719 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung đề xuất Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (Dự án 3), UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì tham mưu. Qua rà soát lại mục tiêu, chỉ tiêu được giao cho tỉnh Kon Tum theo văn bản số 343/UBND-CTMTQG ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc giao thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề xuất điều chỉnh tỷ lệ vốn phân bổ giữa các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố như phân bên. Nội dung này đã được Ban Dân tộc tổng hợp trên cơ sở Văn bản số 1445/SNN-KHTC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và đưa ra bản luận tại phiên họp và được các thành viên ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại phiên họp.</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý
		<p>Đề nghị chỉnh sửa lại tại Văn bản này: Phân bổ các sở, ngành 26,42%; còn lại phân bổ cho các địa phương (73,58%). Cụ thể:</p> <p>- Thực hiện Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về giao diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý (<i>chưa có kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng</i>) cho các chủ rừng là các Ban Quản lý rừng và các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp để quản lý bảo vệ; Quyết định số 1084/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1047/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021. Các địa phương đã bàn giao cho 13 đơn vị chủ rừng diện tích 28.838,27 ha rừng (<i>cho 07 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp 16.597,61 ha; 04 Ban quản lý rừng phòng hộ 7.675,59 ha; BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray 4.467,60 ha; BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh 97,48 ha</i>), nên giảm diện tích thuộc đối tượng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.</p> <p>- Ngoài ra, một số diện rừng trước đây nằm ngoài vùng chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuộc đối tượng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng theo quy định. Tuy nhiên, đến nay một số nhà máy thủy điện đã hoàn thành và phát điện (<i>Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum, Nhà máy thủy điện Plei Kần, Nhà máy thủy điện Đăk Piu 2, Nhà máy thủy điện Đăk Trư 1, Nhà máy thủy</i></p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p><i>điện Đăk Trua 2)</i> nên nhiều diện tích rừng trước đây nằm ngoài vùng được chi trả dịch vụ môi trường rừng nay đã nằm trong vùng được chi trả dịch vụ môi trường rừng nên không còn thuộc đối tượng rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Diện tích hỗ trợ trồng rừng phòng hộ 115 ha/năm, theo Công văn số 429/BDT-HCTH ngày 14 tháng 5 năm 2022 của Ban Dân tộc “về việc phối hợp làm rõ một số nội dung về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025” là hỗ trợ đối với diện tích đất quy hoạch phòng hộ đã được giao cho hộ gia đình; do đó nội dung hỗ trợ này thuộc các địa phương (<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thực hiện hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>).</p>	
2	Ban Dân tộc	<p><u>Ý kiến đề xuất:</u> Tại Phụ lục V, Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học thuộc Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đề nghị điều chỉnh tỷ lệ phân bổ vốn cho sở, ban, ngành từ 10% xuống còn 9,8%, cụ thể như sau: b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học: - Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: 10% tổng</p>	<p><u>Tiếp thu, giải trình:</u> Tại Văn bản số 343/UBND-CTMTQG ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc giao dự kiến kinh phí thực hiện Tiểu Dự án 2 là 36.292 triệu đồng. Đối với nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học thuộc Tiểu Dự án 2: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ tại Văn bản số 1279/SNV-CCVC ngày 30/5/2022 về nội dung, kinh phí thực hiện thì tổng kinh phí thực hiện nội dung 2 là 16.830 triệu đồng. Qua chạy công thức phân bổ tỷ lệ vốn đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ và đào tạo đại học như sau:</p>

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	
		<p>vốn sự nghiệp của tiểu dự án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau: <p>Thành:</p> <p>b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: 9,8% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án. - Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ Sở Nội vụ: Tổng kinh phí thực hiện nội dung là 1.650 triệu đồng, tương đương 9,8% để thực hiện các nội dung: đào tạo sau đại học cho 12 người; trong đó: tiến sỹ là 3 người, định mức 175 triệu/1 học viên (525 triệu đồng); thạc sỹ là 9 người, định mức 125 triệu đồng/1 học viên (1.125 triệu đồng). - Phân bổ cho các địa phương: Tổng kinh phí thực hiện nội dung là 1.5.180 triệu đồng, tương đương 90,2 % số vốn của tiểu dự án để thực hiện các nội dung: Đào tạo đại học cho 138 sinh viên, định mức là 110 triệu/1 sinh viên (15.180 triệu đồng). Nội dung này được đề nghị đưa ra bàn luận tại phiên họp và được các thành viên uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất điều chỉnh tại phiên họp để đảm bảo tỷ lệ phân bổ vốn chính xác giữa sở, ngành và các huyện, thành phố.
3	Ban Dân tộc	<p><u>Ý kiến đề xuất:</u></p> <p>Tại phụ lục IX. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: Tại tiểu Dự án 1. Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế- xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn; mục 1.2 phân bổ vốn sự nghiệp quy định: a. Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng vốn sự nghiệp của tiểu Dự án cho dân tộc Rơ Măm.</p> <p>Ban Dân tộc đề xuất bổ sung nội dung phân bổ vốn sự nghiệp thuộc tiểu dự án 1 như sau:</p> <p>1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:</p> <p>a) Nội dung dân tộc có khó khăn đặc thù:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho dân tộc Rơ Măm. - Phân bổ cho các địa phương: Không. 	<p>Lý do đề nghị bổ sung nội dung tiêu chí các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn:</p> <p>Theo kết quả rà soát danh sách các dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 20 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn² với 42.396 hộ sinh sống thành cộng đồng tại 52 xã đặc biệt khó khăn và 41 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II, khu vực I trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng, phạm vi thụ hưởng một số nội dung chính sách thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 9 theo Quyết định 1719/QĐ-TTg. Tuy nhiên, tại Văn bản số 343/UBND-CTMTQG ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc³, Trung ương không phân bổ ngân sách (nguồn sự nghiệp) để tỉnh Kon Tum thực hiện hỗ trợ cho các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn sinh sống trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>Tại buổi làm việc giữa UBND tỉnh Kon Tum do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum và đoàn công tác của Ủy ban Dân tộc</p>

² Dân tộc: Gia Rai, Xơ Đăng, Ba Na, Giẻ - Triêng, Hrê, Tày, Kơ Me, Mường, Nùng, Dao, Sán Chay, Co, Ê - Đê, Mnông, Cơ Ho, Giáy, Kơ Mũ, Kháng, Cơ Tu và Tà Ôi

³ Về việc rà soát phương án phân bổ Ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý															
		Bổ sung nội dung: b) Nội dung các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn: - Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: không. - Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:			do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tại tỉnh Kon Tum, ngày 25/4/2022; UBND tỉnh Kon Tum cũng đề nghị Trung ương quan tâm bố trí nguồn vốn trên để thực hiện chính sách cho các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.												
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="748 389 866 501">TT</th> <th data-bbox="866 389 983 501">Nội dung tiêu chí</th> <th data-bbox="983 389 1088 501">Điểm</th> <th data-bbox="1088 389 1205 501">Số lượng</th> <th data-bbox="1205 389 1323 501">Tổng số điểm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="748 501 866 687">1</td> <td data-bbox="866 501 983 687">Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư</td> <td data-bbox="983 501 1088 687">0,15</td> <td data-bbox="1088 501 1205 687">a</td> <td data-bbox="1205 501 1323 687">0,15 x a</td> </tr> <tr> <td colspan="4" data-bbox="748 687 1205 727">Tổng số</td> <td data-bbox="1205 687 1323 727">X_{k,i}</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm	1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a	Tổng số				X_{k,i}	Căn cứ Văn bản 795/UBND-CSDT ngày 27/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về mời dự Hội thảo xin ý kiến góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình. Ban Dân tộc đã tổng hợp đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ bổ sung kinh phí vốn sự nghiệp cho tỉnh Kon Tum để thực hiện các nội dung hỗ trợ đối với các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy việc đề nghị xây dựng nội dung tiêu chí đối với dân tộc còn gặp nhiều khó khăn làm cơ sở phân bổ vốn trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết (tránh trường hợp phải đề nghị bổ sung nội dung tiêu chí khi trung ương phân bổ vốn bổ sung).	
TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm													
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a													
Tổng số				X_{k,i}													
Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.			Vì vậy việc đề xuất bổ sung nội dung tiêu chí trên tại phụ lục IX là cần thiết. Nội dung này được đưa ra bàn luận tại phiên họp và được các thành viên ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại phiên họp.														